

25 Tháng Năm 2021

# Bản tin cuối ngày

## Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: [cs@miraeeasset.com.vn](mailto:cs@miraeeasset.com.vn)



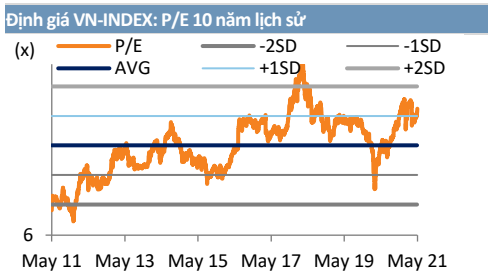
Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,308.58	0.82	4.81	52.33
HNX	301.59	0.42	6.33	176.31
UPCOM	82.91	0.33	3.12	50.93
MSCI EM	1,326.68	-0.25	-1.95	45.56
NIKKEI	28,553.98	0.67	-1.61	37.66
HANG SENG	28,910.86	1.75	-0.58	25.96
KOSPI	3,171.32	0.86	-0.46	59.00
FTSE	7,045.29	-0.09	1.54	17.55
S&P 500	4,197.05	0.99	0.40	42.01
NASDAQ	13,661.17	1.41	-2.54	46.51

Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	17.83	2.65	15.06
SET INDEX	29.95	1.69	5.89
JCI INDEX	28.24	1.57	4.34
PCOMP INDEX	26.50	1.52	5.95

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	1.12	-1	-6	-93
10 năm	2.31	-2	-4	-68

Tỷ giá ngoại hối				
	Last trade	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,060	-0.02	-0.04	1.05
US\$/KRW	1,122	0.43	-0.79	10.88
US\$/JPY	109	0.00	-0.62	-0.96
US\$/EUR	0.82	-0.27	-1.34	-11.04
US\$/GBP	0.71	-0.18	-1.99	-14.05
US\$/SGD	1.33	0.09	-0.08	7.39

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)			
	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	935	827	424
HNX	106	100	56
UPCOM	36	35	26



### Nhận định thị trường

#### Nổi dài chuỗi ngày tăng điểm.

Tiếp nối đà tăng điểm tốt từ phiên hôm qua, VN-Index tiếp tục mở cửa trong tâm lý hứng khởi của nhà đầu tư. Dù cho đầu phiên tâm lý của nhà đầu tư có hơi dè dặt, tuy nhiên sau đó đà tăng của VN-Index nhanh chóng được xác lập và duy trì xuyên suốt phiên, giúp VN-Index nhẹ nhàng vượt mốc 1.300 điểm mà không gặp nhiều trở ngại lớn. Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại 1.308,5 điểm, tăng 10 điểm, tương ứng +0,8% so với phiên giao dịch ngày hôm trước. Thanh khoản 3 sàn lần lượt là HOSE: 21.246 tỷ đồng, HNX: 2.896 tỷ đồng, UPCOM: 1.553 tỷ đồng.

Nhóm Ngân hàng sau phiên giao dịch không nhiều khởi sắc hôm qua, đã quay trở lại xác lập vị thế khi gần như tất cả các mã đều kết phiên trong sắc xanh, nổi trội nhất là TPB (+5,2%), VCB (+2,5%), các mã còn lại tăng từ 1%–2%. Nhóm Thép có phiên giao dịch sôi động trở lại với HSG, NKG, HPG, POM, SMC đều có mức tăng tốt từ 3%–6% trong ngày.

Khối ngoại hôm tạm dừng đà bán mạnh khi hôm nay chỉ bán ròng hơn 86 tỷ đồng

Sau 5 phiên giao dịch tăng điểm mạnh liên tiếp, các chỉ số kỹ thuật của VN-Index đang ở mức cao nhất. Điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset hiện đã tăng lên mức +7, thể hiện trạng thái KHẢ QUAN trong ngắn hạn.

**Trần Duy Lam**, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeeasset.com.vn

#### Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	7	KHẢ QUAN
VN30	5	KHẢ QUAN
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	5	KHẢ QUAN
Shanghai Composite	7	KHẢ QUAN
Kospi	0	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	5	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	3	TRUNG TÍNH
Dow Jones	-4	TIÊU CỰC

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

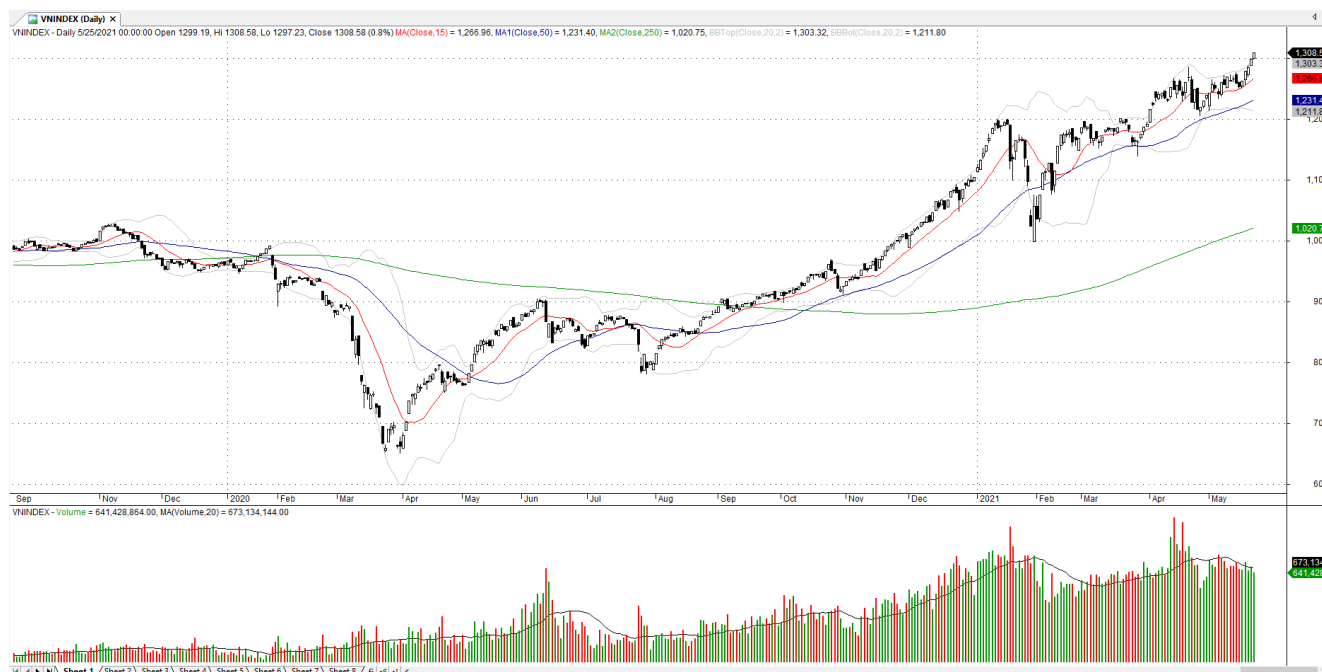
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	7	KHẢ QUAN
VN30	5	KHẢ QUAN
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	5	KHẢ QUAN

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (25/05/2021)	1.308,5	Kháng cự 1 <b>1.300</b>
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Tăng	Kháng cự 2 <b>1.350</b>
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 <b>1.220</b>
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 <b>1.180</b>

VN-Index nhẹ nhàng vượt mốc 1.300 điểm và không gặp nhiều trở ngại. Mốc kháng cự tiếp theo nằm trong vùng 1.320-1.330.

**Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)**



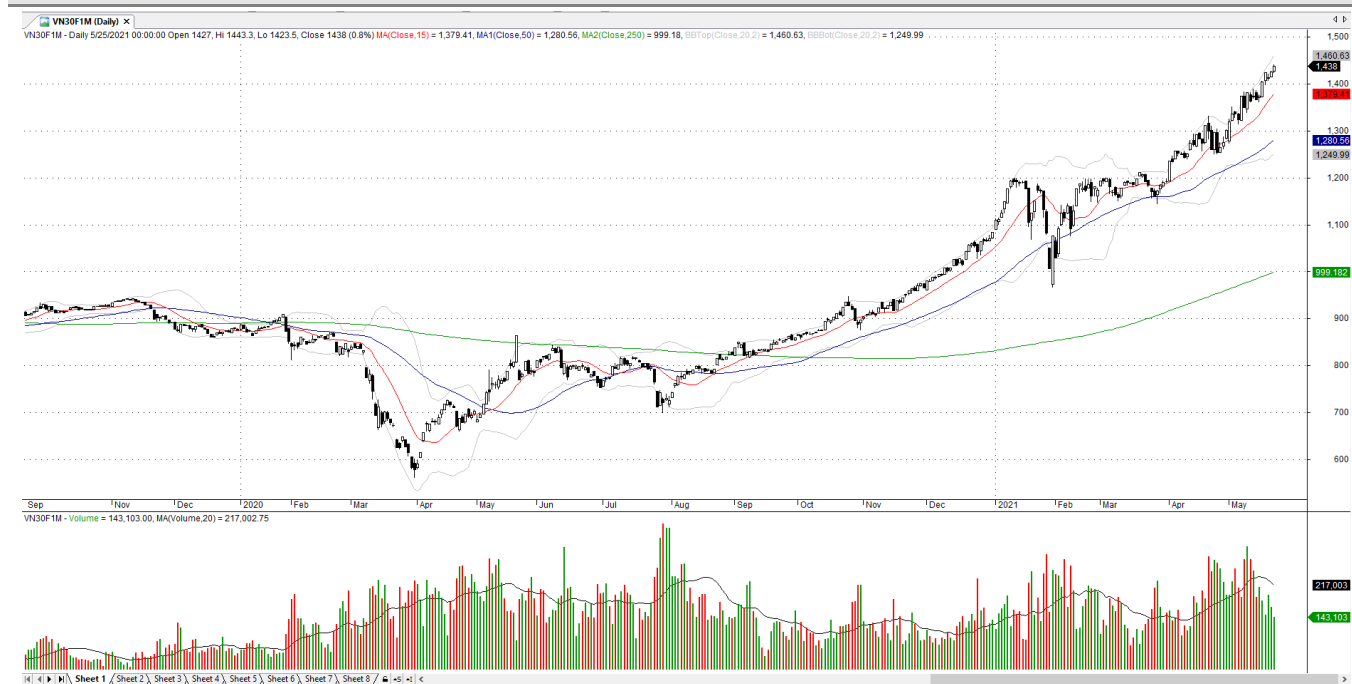
## CẬP NHẬT PHẢI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (24/05/2021)	1.438	Kháng cự 1	<b>1.500</b>
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TÍCH CỰC	Kháng cự 2	<b>1.550</b>
VN30 – đóng cửa	1.444	Hỗ trợ 1	<b>1.400</b>
Chênh lệch VN30F1M & VN30	<b>-6,0</b>	Hỗ trợ 2	<b>1.350</b>

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	+4	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30F1M (chart ngày)	+5	<b>KHẢ QUAN</b>

VN30F1M có phiên giao dịch tăng điểm trong biên độ khá, spread khoảng 20 điểm. Các chỉ số giao dịch intra-day đã suy giảm so với phiên hôm qua.

### Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

**ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG**

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	15.75	4,325,385	-4	TIÊU CỰC	163,977	14.4	2.9
ACB	38	9,784,370	3	TRUNG TÍNH	223,315	12.3	3.4
AMD	6.1	9,097,645	4	KHẢ QUAN	52,937	19.6	1.8
ART	10	5,427,385	4	KHẢ QUAN	190,266	10.7	2.1
ASM	13.65	2,272,340	5	KHẢ QUAN	180,853	12.7	2.3
BID	46.7	3,849,140	7	KHẢ QUAN	100,195	9.9	1.9
BMI	33	978,365	6	KHẢ QUAN	56,611	16.9	2.2
BSR	15.7	11,593,830	5	KHẢ QUAN	17,874	7.4	2.2
BVH	55.2	823,700	5	KHẢ QUAN	26,416	14.7	2.3
CII	20.8	2,098,385	6	KHẢ QUAN	344,083	13.3	3.8
CTG	51.1	18,507,444	4	KHẢ QUAN	189,141	19.3	6.0
CTR	82	532,550	1	TRUNG TÍNH	25,684	11.4	1.7
DBC	56	1,562,220	5	KHẢ QUAN	82,139	9.5	2.2
DCM	17.65	2,544,250	0	TRUNG TÍNH	8,626	6.3	0.9
DGC	71.7	1,120,120	-2	TRUNG TÍNH	146,576	32.4	4.6
DGW	139	349,695	5	KHẢ QUAN	133,444	88.7	8.3
DHC	105.9	359,710	5	KHẢ QUAN	7,068	7.2	1.9
DIG	29.55	4,476,125	4	KHẢ QUAN	36,897	28.1	6.9
DRC	28.15	1,072,550	7	KHẢ QUAN	51,797	10.5	2.1
DXG	25.4	8,015,225	7	KHẢ QUAN	37,616	9.2	2.0
EIB	26.8	1,092,570	7	KHẢ QUAN	9,782	8.4	2.2
FIT	12.6	3,836,730	4	KHẢ QUAN	74,019	19.9	4.4
FLC	12.15	27,948,844	-4	TIÊU CỰC	413,671	56.2	5.1
FPT	93.8	2,391,505	2	TRUNG TÍNH	70,896	26.5	2.4
GAS	82.9	753,820	0	TRUNG TÍNH	3,752	206.2	0.6
GEX	26.2	4,666,580	6	KHẢ QUAN	13,164	#N/A N/A	2.0
GIL	62.5	698,095	-2	TRUNG TÍNH	3,474	5.2	1.7
GMD	38.95	2,980,880	7	KHẢ QUAN	11,424	15.2	2.4
GVR	27	3,525,860	-2	TRUNG TÍNH	15,831	20.6	1.5
HAG	5.25	6,120,135	-4	TIÊU CỰC	5,461	9.6	1.6
HAH	28.2	1,538,755	4	KHẢ QUAN	48,678	#N/A N/A	1.6
HBC	15	4,418,410	0	TRUNG TÍNH	20,704	17.3	2.5
HCM	37.45	5,207,130	5	KHẢ QUAN	370,146	17.5	3.7
HDB	32.5	7,401,050	7	KHẢ QUAN	187,828	22.8	2.4
HDC	48.9	846,555	7	KHẢ QUAN	10,850	16.5	0.9
HDG	43.75	945,450	5	KHẢ QUAN	12,371	13.0	2.5
HNG	10.6	7,310,520	2	TRUNG TÍNH	69,413	16.1	4.0
HPG	67.4	26,721,440	6	KHẢ QUAN	10,353	13.5	2.2
HPX	36.4	933,310	2	TRUNG TÍNH	11,011	9.6	1.7
HQC	3.56	18,967,324	2	TRUNG TÍNH	27,868	11.5	1.0
HSG	40.2	14,922,325	0	TRUNG TÍNH	12,792	12.4	1.8
IDC	36.4	1,851,010	6	KHẢ QUAN	9,152	9.2	1.6
IJC	28.3	2,985,550	5	KHẢ QUAN	11,739	31.3	1.9
ITA	7.11	11,249,790	6	KHẢ QUAN	69,902	19.3	3.0
KBC	33.7	5,464,045	7	KHẢ QUAN	7,322	674.8	1.7
KDC	56.8	1,265,950	4	KHẢ QUAN	8,675	134.0	0.6
KDH	37.05	4,908,660	7	KHẢ QUAN	2,348	139.5	1.5
KLF	5.1	9,069,780	6	KHẢ QUAN	108,000	24.7	2.3
KSB	28.7	1,066,795	2	TRUNG TÍNH	5,867	4.0	1.3
LDG	7.18	4,956,660	6	KHẢ QUAN	6,155	9.3	1.8
LPB	23.9	17,066,876	5	KHẢ QUAN	12,266	13.0	3.0
LTG	38.6	817,095	0	TRUNG TÍNH	6,671	32.1	0.6

MBB	35.8	21,654,070	-6	TIÊU CỰC	11,751	451.5	1.3
MBS	24	2,036,285	-4	TIÊU CỰC	67,673	12.9	3.5
MSN	114	2,498,460	7	KHẢ QUAN	12,993	42.3	2.2
MWG	146	933,025	0	TRUNG TÍNH	4,674	11.2	1.0
NKG	31.75	5,765,440	0	TRUNG TÍNH	1,697	238.0	0.4
NLG	38.65	3,388,965	6	KHẢ QUAN	10,920	34.8	3.0
NVB	18	6,244,505	2	TRUNG TÍNH	3,463	39.1	1.0
NVL	135.5	2,127,505	2	TRUNG TÍNH	2,610	34.3	2.4
PDR	75.8	3,519,370	-2	TRUNG TÍNH	158,666	21.0	3.1
PET	21.5	1,884,495	-4	TIÊU CỰC	1,852	24.3	1.2
PHR	54.6	730,765	-5	TIÊU CỰC	997	40.6	0.5
PLX	56.2	2,033,845	2	TRUNG TÍNH	61,365	50.2	4.1
PNJ	101.9	496,010	0	TRUNG TÍNH	969	37.1	0.9
POW	11.9	10,396,530	0	TRUNG TÍNH	12,158	17.4	1.5
PVD	20.6	5,379,530	4	KHẢ QUAN	23,169	20.5	4.0
PVS	22.7	7,728,790	4	KHẢ QUAN	5,521	13.3	2.1
PVT	16.9	2,364,370	5	KHẢ QUAN	5,977	18.2	4.7
REE	59.1	706,150	7	KHẢ QUAN	3,210	47.1	1.1
ROS	6.8	30,719,720	-6	TIÊU CỰC	843	#N/A N/A	0.5
S99	21.5	1,543,425	4	KHẢ QUAN	40,976	21.7	2.0
SAB	157.9	209,230	6	KHẢ QUAN	9,344	15.7	1.5
SBT	19.7	2,570,785	-6	TIÊU CỰC	6,800	22.3	2.5
SCR	8.93	4,046,415	5	KHẢ QUAN	5,886	21.1	5.5
SHB	29.4	21,363,944	2	TRUNG TÍNH	4,968	373.8	1.0
SHI	28.65	2,207,960	-4	TIÊU CỰC	2,249	5.6	1.6
SHS	34.1	8,064,555	0	TRUNG TÍNH	1,336	8.1	1.2
SMC	39.8	958,555	6	KHẢ QUAN	18,265	10.2	1.5
SSI	40.9	13,944,280	7	KHẢ QUAN	3,253	12.2	2.7
STB	29.35	45,824,620	6	KHẢ QUAN	6,750	6.2	2.0
TCB	51.6	17,610,130	2	TRUNG TÍNH	1,797	11.7	1.1
TCH	23.5	5,096,990	7	KHẢ QUAN	5,470	7.4	1.1
TLH	18.4	3,196,510	6	KHẢ QUAN	7,398	7.7	2.3
TPB	35.1	6,496,275	-4	TIÊU CỰC	2,425	4.8	1.4
TSC	15.9	6,165,150	4	KHẢ QUAN	5,930	12.6	4.1
TTF	6.8	5,201,660	7	KHẢ QUAN	3,272	18.5	0.7
VCB	99.8	1,812,740	4	KHẢ QUAN	1,719	156.1	0.6
VCI	74.3	2,077,940	-4	TIÊU CỰC	2,116	#N/A N/A	#N/A N/A
VHC	39.7	771,790	4	KHẢ QUAN	9,628	89.2	2.9
VHM	104.6	4,283,195	3	TRUNG TÍNH	1,127	5.5	1.3
VIB	61	1,217,815	5	KHẢ QUAN	101,258	20.9	5.1
VIC	122.3	1,796,965	7	KHẢ QUAN	3,015	14.8	1.3
VIX	27.2	7,182,120	-4	TIÊU CỰC	4,869	#N/A N/A	1.1
VJC	113.3	481,315	4	KHẢ QUAN	3,111	10.0	1.1
VND	45.4	4,992,365	5	KHẢ QUAN	3,534	7.8	0.8
VNM	90.5	4,514,230	7	KHẢ QUAN	7,223	10.3	1.4
VPB	66.8	31,371,980	5	KHẢ QUAN	1,912	7.6	1.2
VPI	34	1,290,535	6	KHẢ QUAN	3,344	11.8	1.9
VRE	31.2	6,827,990	-2	TRUNG TÍNH	32,949	37.6	1.9

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## Thông tin cập nhật

### Fitch nâng dự báo giá thép toàn cầu trong ngắn hạn lên 800 USD/tấn

Fitch Solutions vừa nâng dự báo giá thép toàn cầu trong ngắn hạn lên trung bình 800 USD/tấn, so với mức trước đó là 660 USD/tấn với lý do là sự mất cân đối trong cung - cầu khiến giá vật liệu này sẽ tiếp tục lên cao. Giá thép bắt đầu tăng mạnh kể từ quý IV/2020 lên mức cao nhất kể từ giữa năm 2008. Kể từ đầu năm đến nay, giá thép trung bình đạt 883 USD/tấn, cao hơn 301 USD so với mức trung bình của năm ngoái. "Chúng tôi dự đoán đà tăng này bắt đầu ổn định trong nửa sau của năm 2021 nhưng giá thép sẽ không giảm mạnh hay lao dốc. Đó là vì nhu cầu tiêu thụ rất lớn trong khi sản lượng ở mức ổn định", Fitch Solutions cho hay. Tuy nhiên, cơ quan này cũng cho rằng các doanh nghiệp hạ nguồn, như công ty xây dựng, nhà sản xuất thiết bị và hàng điện tử, sẽ ngày càng không chấp nhận chịu trả mức giá cao để mua hàng. Đồng thời, nhu cầu tiêu thụ nhìn chung sẽ chậm lại vì cao điểm của hoạt động xây dựng thường chỉ vào những tháng mùa hè hàng năm. Ngoài Mỹ và Trung Quốc, Fitch Solutions cũng kỳ vọng nhu cầu thép tại châu Âu sẽ phục hồi sau khi giảm mạnh trong năm 2020 vì dịch Covid-19. Khác với thép Trung Quốc chủ yếu được sản xuất bằng lò cao sử dụng than cốc và quặng sắt, thép châu Âu chủ yếu là thép có hàm lượng carbon thấp được sản xuất bằng lò hồ quang điện với nguyên liệu đầu vào chính là thép phế liệu. Vì vậy, các doanh nghiệp hạ nguồn, đặc biệt là hãng ô tô và nhà sản xuất đồ điện tử gia dụng lớn, được cho sẽ tiêu thụ thép châu Âu nhiều hơn để đảm bảo quy định giảm lượng phát thải.

### Mỹ kết luận lốp ô tô Việt Nam được trợ cấp, bán phá giá

Bộ Thương mại Mỹ (DOC) ngày 24/5 đưa ra kết luận rằng lốp xe hơi và xe tải nhẹ từ Việt Nam được trợ cấp không bình đẳng thông qua việc đồng tiền Việt Nam được định giá thấp hơn giá trị thực. Hãng tin Reuters dẫn báo cáo từ DOC nói lốp ô tô từ Việt Nam đang được trợ cấp với tỷ lệ từ 6,23% đến 7,89% thông qua việc chuyển đổi USD sang VND với tỷ giá hối đoái thấp hơn giá trị thực của VND. Đây là phán quyết cuối cùng của DOC trong cuộc điều tra thương mại đối với lốp ô tô nhập khẩu từ Việt Nam. Ngoài ra, báo cáo cũng nói rằng qua điều tra, DOC phát hiện thấy lốp xe nhập khẩu vào Mỹ từ Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan và Việt Nam đã được bán dưới giá thị trường ở Mỹ. Theo báo cáo, lốp xe từ Việt Nam bán phá giá tới 22%; lốp Hàn Quốc bán phá giá tới 27%; lốp Đài Loan bán phá giá tới 102%; và lốp Thái Lan bán phá giá tới 21%. Dựa trên kết luận điều tra này, DOC đưa ra mức thuế chống trợ cấp (countervailing) đối với lốp ô tô từ Việt Nam như sau: lốp từ Kumho Tire (Vietnam) Co. Ltd. bị áp thuế 7,89%; lốp từ Sailun (Vietnam) Co. Ltd. bị áp thuế 6,23%; và lốp từ các nhà sản xuất khác tại Việt Nam bị áp thuế 6,46%. Cùng với thuế chống trợ cấp, lốp xe từ Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ còn bị áp thuế chống bán phá giá (anti-dumping) với thuế suất 22,3%, ngoại trừ lốp của Kenda Rubber (Vietnam) Co. Ltd.; Sailun Group (Hong Kong) Co. Ltd./Sailun Tire Americas Inc.; Bridgestone Corp.; Bridgestone Tire Manufacturing Vietnam LLC; Kumho Tire (Vietnam) Co. Ltd.; và Yokohama Rubber Co. Ltd. có mức thuế 0%. Theo trang Modern Tire Dealer, Việt Nam, Hàn Quốc, Đài Loan và Thái Lan là 4 trong số những nguồn cung cấp lốp xe lớn nhất của Mỹ, và có sự tăng trưởng mạnh mẽ kể từ khi Mỹ áp thuế quan lên lốp ô tô từ Trung Quốc. Năm 2020, Mỹ nhập khẩu lượng lốp xe hơi và xe tải nhẹ trị giá khoảng 1,2 tỷ USD từ Hàn Quốc, 373 triệu USD từ Đài Loan, 2 tỷ USD từ Thái Lan, và 470 triệu USD từ Việt Nam. Cuộc điều tra của DOC mới chỉ là một nửa của câu chuyện. Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ (ITC) cũng đang tiến hành về nhập khẩu lốp xe từ 4 thị trường nói trên và dự kiến sẽ đi đến kết luận vào ngày 23/6. DOC sẽ chuyển kết quả cuộc điều tra của mình đến ITC để cơ quan này xem xét.

### BMI: thưởng cổ phiếu tỷ lệ 20%

Nghị quyết HĐQT Tổng công ty Bảo Minh (HoSE: BMI) thông qua phương án phát hành 18,3 triệu cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 20% (1 cổ phiếu được hưởng 1 quyền, 10 quyền được nhận 2 cổ phiếu mới). Sau đợt phát hành, Bảo Minh sẽ nâng vốn đầu tư của chủ sở hữu từ 913,5 tỷ đồng lên khoảng 1.096 tỷ đồng. Thời gian dự kiến phát hành từ tháng 5 đến tháng 7. Cổ phiếu phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng. Công ty cũng vừa thông báo ngày 4/6 là ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông trả cổ tức tỷ lệ 20% bằng tiền mặt, 1 cổ phiếu nhận 2.000 đồng. Ngày thanh toán là 24/6. Với hơn 91 triệu cổ phiếu đang lưu hành, doanh nghiệp sẽ chi ra 182,6 tỷ đồng để trả cổ tức cho cổ đông.

### PET: chốt quyền trả cổ tức bằng tiền tỷ lệ 10%

HĐQT Tổng Công ty Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Petrosetco, HoSE: PET) thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền tỷ lệ 10% (1 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng). Với hơn 85 triệu cổ phiếu đang lưu hành, số tiền chi trong đợt này là hơn 85 tỷ đồng. Ngày đăng ký cuối cùng là 8/6 và thời gian thanh toán dự kiến 22/6.

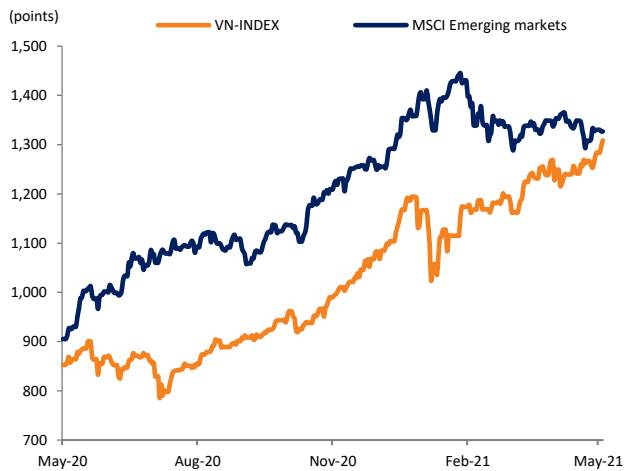
#### **MWG: lãi tháng 4 tăng 69% do mức nền thấp**

Đầu tư Thế Giới Di Động (HoSE: MWG) công bố doanh thu thuần tháng 4 đạt hơn 9.620 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế hơn 350 tỷ đồng, tăng lần lượt 23% và 69% so với cùng kỳ. Mức tăng trưởng cao này một phần do mức nền thấp của tháng 4/2020 do đóng 600 cửa hàng để chống dịch. Dù vậy, so với tháng 3, doanh thu và lợi nhuận của MWG vẫn ghi nhận mức tăng lần lượt là 6% và 4%, do bắt đầu vào mùa cao điểm bán hàng điện lạnh và tiêu dùng hàng FMCGs tăng trở lại sau mùa Tết. Lũy kế 4 tháng, MWG ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất tăng 9% lên 40.449 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế tăng 26% đạt 1.691 tỷ đồng. Theo đó công ty thực hiện được 32% kế hoạch doanh thu và 36% kế hoạch lợi nhuận cả năm. Trong đó doanh thu online đóng góp 3.047 tỷ đồng, giảm 7% so với cùng kỳ chủ yếu do giao dịch online đạt đỉnh vào tháng 4 năm ngoái khi dịch bùng phát mạnh.

#### **DHC: có thêm cổ đông lớn**

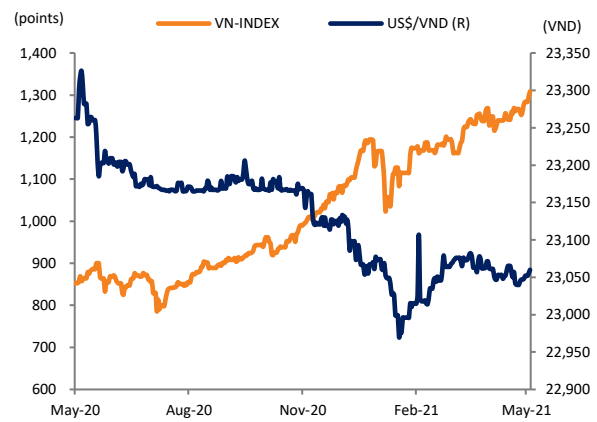
KIM Vietnam Growth Equity Fund vừa mua thêm 250.000 cổ phiếu Đông Hải Bến Tre (HoSE: DHC) vào ngày 18/5. Giao dịch này giúp tổng sở hữu nhóm quỹ đến từ Hàn Quốc tăng lên trên 2,8 triệu cổ phiếu DHC, tỷ lệ 5,05% và chính thức trở thành cổ đông lớn. Trên thị trường, cổ phiếu DHC đang có giai đoạn tăng giá ấn tượng lên vùng đỉnh lịch sử 105.500 đồng/cp, tăng 73% so với thời điểm đầu năm hay gấp 3 lần trong năm giao dịch gần nhất. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tăng từ 27,6% đầu năm lên khoảng 32% như hiện tại. Hiện nhóm KIM là cổ đông ngoại lớn thứ 2 tại doanh nghiệp, xếp sau một quỹ khác là KWE Beteiligungen AG với tỷ lệ nắm giữ 13,78%. Với thị giá trên, tạm tính lượng cổ phần DHC mà quỹ Hàn Quốc nắm giữ có giá trị 298 tỷ đồng, còn của KWE Beteiligungen AG là khoảng 814 tỷ đồng.

**Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets**



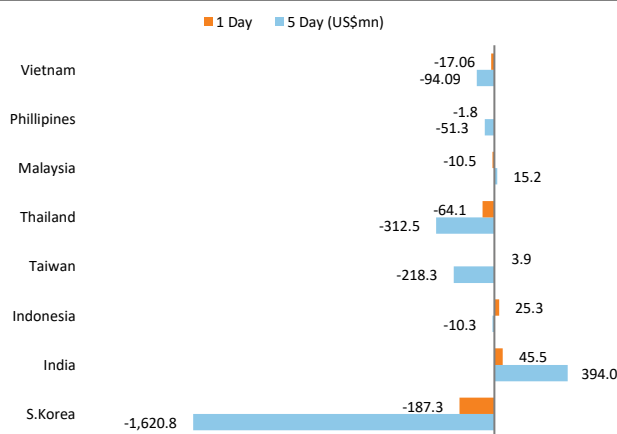
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND**



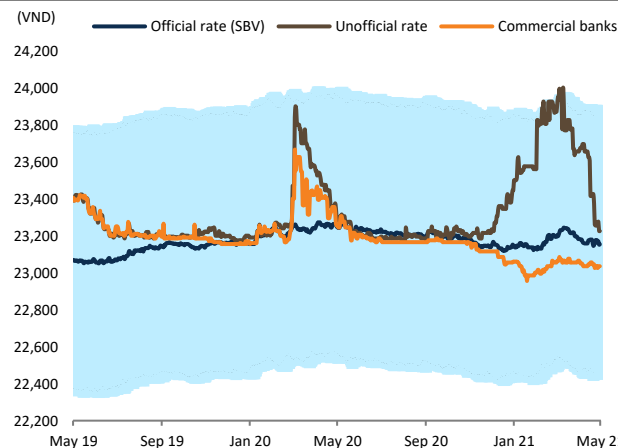
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài**



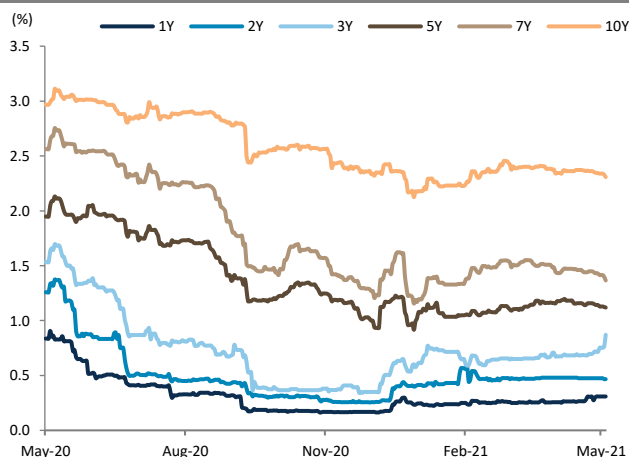
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND**



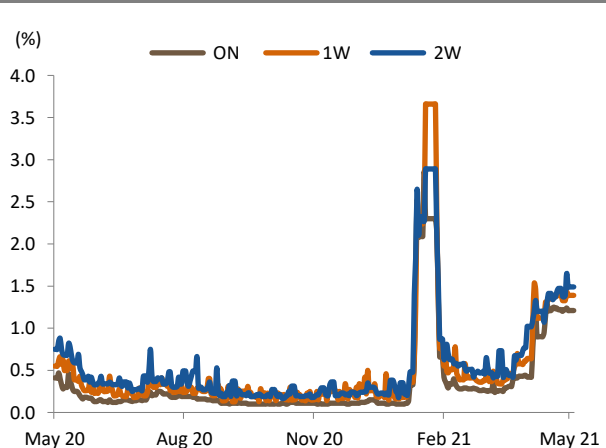
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset



**Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30**

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN30 Index</b>	<b>VN30 Index</b>	<b>1,444.01</b>	<b>3,477,729</b>		<b>0.9</b>	<b>4.7</b>	<b>11.0</b>	<b>78.9</b>	<b>15.0</b>	<b>12.3</b>	<b>2.7</b>	<b>2.3</b>	<b>7.7</b>	<b>22.2</b>	<b>20.1</b>	<b>19.9</b>
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	46,700	187,828	16.7	1.5	14.2	11.2	17.8	18.9	14.3	2.1	1.8	70.3	32.2	12.1	14.8
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	55,200	40,976	27.3	1.7	2.2	-6.4	11.5	23.7	20.4	1.9	1.8	12.2	16.0	8.3	9.3
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	51,100	190,266	25.4	-0.2	9.8	23.7	121.7	11.2	10.2	1.9	1.7	24.6	9.8	19.7	19.7
CTCP FPT	FPT VN	93,800	74,019	49.0	0.3	7.8	13.0	93.6	18.4	15.4	4.1	3.6	23.5	19.7	25.7	26.4
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	82,900	158,666	2.4	1.1	1.1	-3.6	12.5	15.7	14.9	3.0	2.8	31.2	5.0	19.3	19.9
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	32,500	51,797	17.4	2.4	6.2	20.8	122.5	9.8	8.1	NA	NA	24.8	20.3	19.2	19.0
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	67,400	223,315	29.3	3.1	6.3	19.5	196.3	11.0	9.2	2.9	2.5	59.4	19.6	27.9	26.2
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	37,050	20,704	31.7	-1.1	2.9	5.0	79.3	17.5	12.9	2.4	2.0	2.9	35.1	14.5	17.1
NHTMCP Quân đội	MBB VN	35,800	100,195	22.7	3.0	7.5	18.2	140.2	9.5	8.0	1.7	1.4	26.9	19.2	20.1	20.3
Tập đoàn Masan	MSN VN	113,600	133,444	32.7	1.4	8.1	13.6	83.8	49.3	28.5	6.5	5.2	118.5	73.1	13.6	19.6
CTCP Thế giới di động	MWG VN	146,000	69,413	49.0	0.0	3.0	-1.0	69.6	13.9	11.1	3.4	2.9	21.3	25.2	27.6	27.8
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	135,500	146,576	7.7	0.4	-4.4	26.6	157.1	34.6	25.8	4.3	3.6	-1.6	34.5	16.1	14.9
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	75,800	36,897	2.7	-0.8	8.1	7.9	305.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	56,200	69,902	15.5	-0.2	4.1	10.2	21.3	21.4	17.2	3.0	2.8	283.2	24.1	16.5	17.3
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	101,900	23,169	49.0	0.0	9.0	6.1	59.2	17.8	14.3	3.7	3.1	32.9	24.7	24.2	25.3
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	11,900	27,868	3.3	0.8	-0.8	-5.6	16.7	13.1	11.0	0.9	0.9	-9.2	19.1	7.4	8.1
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	59,100	18,265	49.0	0.0	6.5	13.0	89.4	10.0	8.4	1.4	1.6	12.1	19.0	14.8	12.9
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	19,700	12,158	8.5	-1.3	-1.0	-3.4	33.1	16.9	NA	1.5	NA	95.8	NA	8.0	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	40,900	26,416	45.8	2.8	16.0	23.9	181.1	18.3	17.0	NA	NA	14.3	7.1	12.7	12.8
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	29,350	52,937	11.8	1.6	7.5	30.7	186.3	22.9	14.0	1.8	1.5	2.6	63.2	10.0	12.6
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	51,600	180,853	22.5	1.4	6.7	27.4	145.1	11.4	9.7	2.0	1.7	29.3	17.2	19.4	18.8
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	23,500	9,152	10.7	0.0	5.9	5.4	0.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	35,100	37,616	30.0	5.2	9.3	25.4	104.2	8.3	6.9	1.7	1.4	23.7	20.8	23.0	22.2
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	99,800	370,146	23.3	2.5	5.5	-4.0	23.1	17.3	13.9	3.1	2.7	29.1	24.2	20.6	21.6
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	104,600	344,083	22.6	-1.3	5.8	-0.4	36.2	11.2	9.3	3.0	2.3	12.2	20.9	31.3	28.6
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	122,300	413,671	14.4	0.2	1.1	-11.6	26.0	56.9	42.1	4.5	4.0	27.2	35.0	8.1	10.4
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	113,300	61,365	18.7	-0.2	0.3	-12.5	0.2	54.9	19.4	3.6	2.9	1,476.7	182.7	5.2	18.8
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	90,500	189,141	54.8	-0.8	4.0	-9.0	-7.7	18.0	16.8	5.6	5.3	5.5	7.1	34.1	34.5
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	66,800	163,977	15.4	0.1	-0.6	31.0	178.3	13.2	11.1	2.1	1.8	18.9	18.2	19.3	17.3
CTCP Vincom Retail	VRE VN	31,200	70,896	29.7	1.1	4.0	-4.9	19.1	25.1	20.0	2.3	2.0	18.6	25.5	9.2	10.5

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

**Bảng 2: Biến động ngành**

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)			P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*		
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN-Index</b>	<b>10.60</b>	<b>4,863,731</b>	<b>0.8</b>	<b>4.5</b>	<b>4.8</b>	<b>52.3</b>	<b>16.0</b>	<b>13.0</b>	<b>2.6</b>	<b>2.3</b>	<b>11.7</b>	<b>22.8</b>	<b>18.5</b>	<b>18.8</b>
Ô tô và phụ tùng	-0.01	8,250	-0.3	1.8	1.2	42.3	6.1	5.7	1.1	1.0	33.5	9.2	11.8	11.1
Ngân hàng	7.00	1,644,036	1.6	3.2	15.5	77.2	13.1	10.6	2.1	1.8	29.7	20.8	18.2	18.5
Xây dựng cơ bản	-0.20	172,318	-0.4	3.2	1.3	78.5	6.2	4.1	0.5	0.4	5.4	35.4	5.6	6.1
Dịch vụ thương mại	-0.01	4,449	-0.8	4.4	-0.2	21.2	7.2	5.7	NA	NA	18.8	27.9	10.3	12.4
May mặc và trang sức	-0.01	43,679	0.0	2.7	3.0	137.2	13.5	10.8	2.3	1.8	37.1	19.8	17.2	16.7
Dịch vụ tiêu dùng	-0.02	7,990	-0.9	-0.9	-9.3	14.2	NA	8.6	NA	NA	NA	NA	-7.1	5.0
Dịch vụ tài chính	0.40	70,339	2.2	3.6	18.0	156.0	9.8	6.4	0.4	NA	16.1	7.1	7.6	4.8
Năng lượng	0.04	86,950	0.2	3.7	8.2	31.5	21.2	16.0	2.6	2.4	NA	31.1	14.3	15.1
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	0.89	519,845	0.7	2.5	-1.2	23.1	24.7	17.5	4.7	4.1	45.8	29.2	21.6	22.9
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.00	885	0.0	1.2	-1.5	45.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,860	-0.3	0.2	-1.2	3.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	0.20	48,167	1.6	4.1	-4.7	13.7	20.1	17.4	1.7	1.5	12.2	16.0	7.1	7.9
Nguyên vật liệu	2.22	466,348	1.9	3.9	15.6	151.6	12.6	11.4	2.0	1.4	52.4	8.9	19.4	17.8
Giải trí và truyền thông	-0.01	1,580	-2.6	-1.3	-16.7	-26.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	0.02	34,975	3.7	7.1	3.1	53.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	-0.84	1,213,276	0.2	1.5	1.6	23.7	9.2	7.7	1.1	1.0	7.4	17.5	9.0	9.6
Bán lẻ	0.01	78,088	-0.3	1.2	-0.7	61.5	28.8	21.7	3.1	2.6	20.4	28.6	15.0	15.1
Phần mềm và dịch vụ	0.07	78,405	0.0	-1.9	-0.4	67.0	12.9	10.2	3.1	2.6	31.7	25.8	24.8	25.1
Thiết bị và phần cứng	0.00	5,977	0.3	-1.4	12.6	91.1	17.4	14.5	3.9	3.4	29.1	17.8	24.3	24.9
Dịch vụ viễn thông	0.00	1,251	0.1	0.4	21.9	412.9	15.1	12.6	4.0	3.2	48.0	20.3	27.0	27.6
Vận tải	0.03	158,024	-1.2	-0.6	2.7	278.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	0.64	241,945	0.1	2.3	-6.6	20.0	24.1	9.7	4.0	3.2	NA	66.1	-17.8	11.0

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

### Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VCB VN	99,800	2.5	3,816,000	2.4
HPG VN	67,400	3.1	22,689,000	1.8
MBB VN	35,800	3.0	22,789,800	0.8
BID VN	46,700	1.5	6,329,600	0.7
SSB VN	34,850	6.9	3,725,900	0.7
SAB VN	157,900	2.6	174,200	0.7
TCB VN	51,600	1.4	10,560,300	0.7
MSN VN	113,600	1.4	1,734,000	0.5
TPB VN	35,100	5.2	6,027,300	0.5
GAS VN	82,900	1.1	594,700	0.5

Nguồn: Bloomberg

### Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VHM VN	104,600	-1.3	2,865,100	-1.2
VNM VN	90,500	-0.8	2,791,200	-0.4
GVR VN	27,000	-0.4	5,599,400	-0.1
CTG VN	51,100	-0.2	10,875,800	-0.1
HVN VN	26,700	-0.9	579,300	-0.1
DXG VN	25,400	-2.5	17,251,500	-0.1
KBC VN	33,700	-2.0	4,742,300	-0.1
PDR VN	75,800	-0.8	2,857,500	-0.1
VGC VN	29,900	-2.0	118,400	-0.1
KDH VN	37,050	-1.1	2,689,600	-0.1

### Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.